

Số: 280 /QĐ-UBND

Bình Định, ngày 31 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho một số hộ dân bị ảnh hưởng do GPMB để thực hiện dự án Mở rộng Trường Cao đẳng Kỹ thuật công nghệ Quy Nhơn, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn (đợt 2)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định; Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 và Quyết định số 58/2019/QĐ-UBND ngày 09/12/2019 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định kèm theo Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 65/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành bảng giá các loại đất định kỳ 5 năm (năm 2020 - 2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 25/3/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về cây cối, hoa màu khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 52/2022/QĐ-UBND ngày 17/8/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá nhà cửa, vật kiến trúc và mồ mã khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 3211/QĐ-UBND ngày 04/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất và giá đất cụ thể để lập phương án bồi thường, GPMB dự án Mở rộng Trường Cao đẳng Kỹ thuật công nghệ Quy Nhơn, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn;

Căn cứ Quyết định số 3564/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho một số hộ dân bị ảnh hưởng do GPMB để thực hiện dự án Mở rộng Trường Cao đẳng Kỹ thuật công nghệ Quy Nhơn, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn (đợt 1);

Theo đề nghị của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh tại Tờ trình số 190/TTr-TTPTQĐ ngày 30/12/2022 và ý kiến thẩm định của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 76/TTr-STNMT ngày 19/01/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đất nông nghiệp cho một số hộ dân bị ảnh hưởng do GPMB để thực hiện dự án Mở rộng Trường Cao đẳng Kỹ thuật công nghệ Quy Nhơn, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn (đợt 2), với một số nội dung cụ thể như sau:

1. Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ, chi phí phục vụ công tác GPMB (2%) và chi phí dự phòng tổ chức thực hiện cưỡng chế là **4.888.303.000 đồng** (Bốn tỷ, tám trăm tám mươi tám triệu, ba trăm lẻ ba nghìn đồng), trong đó:

- Giá trị bồi thường, hỗ trợ: 4.783.075.000 đồng.

- Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%): 95.662.000 đồng.

(Trong đó, chi phí thẩm định 0,2% là 9.566.000 đồng. Riêng chi phí thẩm định của Sở Tài nguyên và Môi trường là 6.696.000 đồng).

- Kinh phí dự phòng cưỡng chế thu hồi đất: 9.566.000 đồng.

* Nguồn vốn chi trả: Từ nguồn vốn ngân sách tỉnh.

(Chi tiết như Phụ lục số 01 kèm theo Quyết định này)

2. Bổ sung giá trị bồi thường, hỗ trợ cho 11 hộ dân, chi phí phục vụ công tác GPMB (2%) và chi phí dự phòng tổ chức thực hiện cưỡng chế là **1.042.253.000 đồng** (Một tỷ, không trăm bốn mươi hai triệu, hai trăm năm mươi ba nghìn đồng), trong đó:

- Giá trị bồi thường, hỗ trợ bổ sung: 1.019.817.000 đồng.

- Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%): 20.396.000 đồng.

(Trong đó, chi phí thẩm định 0,2% là 2.040.000 đồng. Riêng chi phí thẩm định của Sở Tài nguyên và Môi trường là 1.428.000 đồng).

- Kinh phí dự phòng cưỡng chế thu hồi đất: 2.040.000 đồng.

* Nguồn vốn chi trả: Từ nguồn vốn ngân sách tỉnh.

(Chi tiết như Phụ lục số 02 kèm theo Quyết định này)

3. Điều chỉnh giảm giá trị bồi thường, hỗ trợ của hộ bà Lê Thị Bưởi (chết), con Phan Thị Sau (ĐDKK) đã được phê duyệt tại Quyết định số 3564/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh (bao gồm giá trị BT, HT và chi phí phục vụ công tác GPMB (2%)) là: **677.514.600 đồng** (Sáu trăm bảy mươi bảy triệu, năm trăm mười bốn nghìn, sáu trăm đồng).

(Chi tiết như Phụ lục số 03 kèm theo Quyết định này)

* Phần diện tích 356,5m² thu hồi đất nông nghiệp nằm ngoài ranh giới quy hoạch của dự án nêu trên, giao Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh bàn giao cho UBND phường Nhơn Phú quản lý và không được tính bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi phần đất này.

Điều 2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo, hướng dẫn Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh chủ trì, phối hợp với các ngành và địa phương tổ chức triển khai thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 3564/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các hộ dân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PVP KT;
- Lưu: VT, K14, K16.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục số 01

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BÒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CHO MỘT SỐ HỘ DÂN BỊ ẢNH HƯỞNG DO GPMB ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN MỞ RỘNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ QUY NHƠN TẠI PHƯỜNG NHƠN PHÚ, THÀNH PHỐ QUY NHƠN (ĐỢT 2)

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Hộ dân	Địa chỉ	Diện tích thu hồi (m ²)				Giá trị bồi thường, hỗ trợ							
			Tổng DT thu hồi	Trong MB	Ngoài MB	DT không BT, HT	Bồi thường đất nông nghiệp		Hỗ trợ tự chuyển đổi nghề và tạo việc làm		Cây cối, hoa màu	Vật kiến trúc	Hỗ trợ ổn định đời sống	Tổng giá trị BT, HT (đồng)
							Trong MB	Ngoài MB	Trong MB	Ngoài MB				
a	b	c	d	e	f	g	h	i	k	l	m	n	o	q = h+...+o
1	Huỳnh Văn Nhanh	Tổ 4, KP 5, P. Nhơn Phú	340,7	340,7			55.465.960		151.270.800		0		11.160.000	217.897.000
2	Mai Văn Hùng	Tổ 4, KP 5, P. Nhơn Phú	667,9	667,9			108.734.120		296.547.600		3.005.550	2.551.500	22.320.000	433.159.000
3	Lê Thị Minh Nở	Tổ 3, KP 4, P. Nhơn Phú	60,4	60,4			9.833.120		26.817.600		634.200			37.285.000
4	Ông Nguyễn Thanh Tâm – bà Huỳnh Thị Thích	KP 6, P. Lê Hồng Phong	751,2	751,2			122.295.360				7.114.000			129.409.000
5	Nguyễn Ngọc A	Tổ 5, KP 5, P. Nhơn Phú	46,6	39,7		6,9	6.463.160		17.626.800		416.850			24.507.000
6	Bà Nguyễn Thị Cúc, con Lê Văn Những ĐDKK	Tổ 5, KP 5, P. Nhơn Phú	2.447,6	2.447,6			398.469.280		1.086.734.400		13.253.220		75.888.000	1.574.345.000
7	Ông Nguyễn Thanh Xuân (chết), vợ Nguyễn Thị Hồng Liên, con Nguyễn Hoài Bảo ĐDKK	152 Diên Hồng, TP Quy Nhơn	444,0	444,0			72.283.200							72.283.000
8	Ông Trần Bình, bà Phan Thị Thanh	Tổ 47, KP7, P. Lê Hồng Phong	444,5	444,5			72.364.600							72.365.000
9	Hộ ông Lê Văn Mười (chết), vợ Trần Thị Hạnh	Tổ 3, KV 5, P. Nhơn Phú	628,4	444,5	183,9		72.364.600	29.938.920	197.358.000	81.651.600			24.552.000	405.865.000
10	Ông Phan Văn Bảy, vợ Nguyễn Thị Kim Hương	Tổ 4, KP 5, P. Nhơn Phú	343,6	343,6			55.938.080		152.558.400		3.282.750			211.779.000

TT	Hộ dân	Địa chỉ	Diện tích thu hồi (m ²)				Giá trị bồi thường, hỗ trợ							
			Tổng DT thu hồi	Trong MB	Ngoài MB	DT không BT, HT	Bồi thường đất nông nghiệp		Hỗ trợ tự chuyển đổi nghề và tạo việc làm		Cây cối, hoa màu	Vật kiến trúc	Hỗ trợ ổn định đời sống	Tổng giá trị BT, HT (đồng)
							Trong MB	Ngoài MB	Trong MB	Ngoài MB				
11	Lê Công Chi, bà Võ Thị Ngọc	Tổ 5, KP 5, P. Nhơn Phú	216,9			216,9					3.651.000			3.651.000
12	Hộ ông Nguyễn Ngọc Dung (chết) - vợ Phạm Thị Cúa (chết) - ông Nguyễn Ty (nhận chuyển nhượng)	Tổ 7, KP 5, P. Nhơn Phú	131,9	131,9			21.473.320							21.473.000
13	Hộ ông Nguyễn Phạm Hoàng Phương - bà Nguyễn Thị Minh Thuận	Tổ 2, KP 1, P. Hải Cảng	370,4	370,4			60.301.120				3.889.200			64.190.000
14	Lê Văn Diệu (chết) - vợ bà Huỳnh Thị Lệ Nhân	Tổ 5, KP 5, P. Nhơn Phú	873,1	760,5	112,6		123.809.400	18.331.280	337.662.000	49.994.400	3.928.950		31.248.000	564.974.000
15	Đinh Văn Sỹ (chết) - vợ Lê Thị Ngọc Nga	Tổ 5, KP 5, P. Nhơn Phú	686,4	626,4	60,0		101.977.920	9.768.000	278.121.600	26.640.000	7.207.200		35.712.000	459.427.000
16	Lê Văn Hải	Tổ 3, KP 5, P. Nhơn Phú	317,9	317,9			51.754.120		141.147.600		1.852.200		8.928.000	203.682.000
17	Ông Phạm Quang Đức (chết) và ông Hoàng Tuấn Anh (chết) - con Nguyễn Phạm Thanh Hằng đại diện kê khai.	02A Hai Bà Trưng, TP quy Nhơn	789,0	707,0		82,0	115.099.600				1.852.200	8.225.000		125.177.000
18	Lê Thị Bích Nhạn	79 Trần Quang Diệu, TT Phú Phong, huyện Tây Sơn	646,5	626,3		20,2	101.961.640				6.788.250			108.750.000
19	Ông Đỗ Trọng Thủy - bà Dương Thị Mỹ Lệ	Tổ 7, KP 7, P. Nhơn Phú	88,7			88,7					1.708.000	712.864		2.421.000

TT	Hộ dân	Địa chỉ	Diện tích thu hồi (m ²)				Giá trị bồi thường, hỗ trợ							
			Tổng DT thu hồi	Trong MB	Ngoài MB	DT không BT, HT	Bồi thường đất nông nghiệp		Hỗ trợ tự chuyển đổi nghề và tạo việc làm		Cây cối, hoa màu	Vật kiến trúc	Hỗ trợ ổn định đời sống	Tổng giá trị BT, HT (đồng)
							Trong MB	Ngoài MB	Trong MB	Ngoài MB				
20	Ông Ngô Tùng Danh và Lâm Hân	số 60 Trần Quang Diệu, TP. Quy Nhơn	154,9	154,9			25.217.720							25.218.000
21	Bà Phan Thị Phụng	số 22 Tú Xương, TP. Quy Nhơn	154,9	154,9			25.217.720							25.218.000
A	Tổng giá trị BT, HT		10.605,5	9.834,3	356,5	414,7	1.601.024.040	58.038.200	2.685.844.800	158.286.000	58.583.570	11.489.364	209.808.000	4.783.075.000
B	Chi phí phục vụ thực hiện GPMB: (A) x 2%													95.662.000
C	Chi phí dự phòng tổ chức cưỡng chế : (B)x 10%													9.566.000
D	Tổng cộng: (A)+(B)+(C)													4.888.303.000

#NAME?

#NAME?

#NAME?

#NAME?

#NAME?

#NAME?

#NAME?

#NAME?

#NAME?

#NAME?

#NAME?

#NAME?

#NAME?

#NAME?

#NAME?

#NAME?

#NAME?

#NAME?

#NAME?

#NAME?

#NAME?

Phụ lục số 02

**BẢNG TỔNG HỢP BỔ SUNG GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CHO 11 HỘ DÂN BỊ ẢNH HƯỞNG DO
GPMB ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN MỞ RỘNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ QUY NHƠN
TẠI PHƯỜNG NHƠN PHÚ, THÀNH PHỐ QUY NHƠN (ĐỢT 2)**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Hộ dân	Địa chỉ	Diện tích thu hồi (m ²)			Giá trị bồi thường, hỗ trợ						
			Tổng DT thu hồi	Trong MB	Ngoài MB	Bồi thường đất nông nghiệp		Hỗ trợ tự chuyển đổi nghề		Vật kiến trúc	Hỗ trợ ổn định đời sống	Giá trị BT, HT (đồng)
						Trong MB	Ngoài MB	Trong MB	Ngoài MB			
a	b	c	d	e	f	h	i	k	l	m	n	o = h+...+n
1	Nguyễn Văn Hồng	Tổ 4, KP 5, P. Nhơn Phú								2.916.000		2.916.000
2	Lê Văn Xuân	Tổ 4, KP 5, P. Nhơn Phú								6.318.000		6.318.000
3	Lê Văn Chín (chết) - vợ Ngô Thị Mười (chết) - con Lê Quang Minh	Tổ 5, KP 5, P. Nhơn Phú								1.458.000		1.458.000
4	Trần Văn Khánh	KP 7, P. Lê Hồng Phong, TP Quy Nhơn								1.458.000		1.458.000
5	Nguyễn Thị Xuân Tài	140 Lê Hồng Phong, TP Quy Nhơn						173.382.000			4.464.000	177.846.000
6	Nguyễn Đình Cốc - bà Nguyễn Thị Có	Tổ 4, KP 5, P. Nhơn Phú								1.215.000	11.160.000	12.375.000
7	Nguyễn Văn Phát	Tổ 5, KP 5, P. Nhơn Phú								5.346.000		5.346.000
8	Trần Khương	Tổ 5, KP 5, P. Nhơn Phú								5.346.000		5.346.000
9	Bà Phan Thị Sau	Tổ 4, KP 5, P. Nhơn Phú	293,0	293,0		47.700.400		130.092.000			13.392.000	191.184.000
10	Ông Phan Văn Bảy	Tổ 4, KP 5, P. Nhơn Phú	757,2	757,2		123.272.160		336.196.800				459.469.000
11	Lê Công Chi, bà Võ Thị Ngọc	Tổ 5, KP 5, P. Nhơn Phú	240,7	240,7		39.185.960		106.870.800			10.044.000	156.101.000
A	Tổng giá trị BT, HT		1.290,9	1.290,9	0,0	210.158.520	0	746.541.600	0	24.057.000	39.060.000	1.019.817.000
B	Chi phí phục vụ thực hiện GPMB: (A) x 2%											20.396.000
C	Chi phí dự phòng tổ chức cưỡng chế : (B)x 10%											2.040.000
D	Tổng cộng:											1.042.253.000

Phụ lục số 03

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH GIẢM GIÁ TRỊ BÒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CỦA 01 HỘ DÂN BỊ ẢNH HƯỞNG DO GPMB ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN MỞ RỘNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ QUY NHƠN TẠI PHƯỜNG NHƠN PHÚ, THÀNH PHỐ QUY NHƠN (ĐỢT 2)

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Hộ dân	Địa chỉ	Giá trị điều chỉnh giảm (đồng)	Ghi chú
1	2	3	9	
1	Lê Thị Bưởi (chết), con Phan Thị Sau (ĐDKK)	Tổ 4, khu phố 5, phường Nhơn Phú, TP Quy Nhơn	664.230.000	Quyết định số 3564/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh
A-	Giá trị điều chỉnh giảm		664.230.000	
B-	Giảm chi phí phục vụ GPMB: (A*2%)		13.284.600	
C-	Tổng cộng (A+B)		677.514.600	